TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 457/2019/HSPT
Ngày 14 tháng 8 năm 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Công Mười

Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Văn

Bà Trần Thị Thu Thủy

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Lê Đức Anh - Thư ký Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Tấn Thông - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 62/2018/TLPT-HS ngày 09 tháng 01 năm 2019 đối với bị cáo Ngô Văn T và Ngô Văn Th do có kháng cáo của các bị cáo Ngô Văn T và Ngô Văn Th kháng cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 476/2018/HS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Ngô Văn T; giới tính: nam; sinh ngày 26 tháng 7 năm 1990 tại Nghệ An; tên gọi khác: không; thường trú: xóm 2, thôn 4, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng; cư trú: L1, phường B1, quận B2, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; nghề nghiệp: kinh doanh; con ông: Ngô Văn Th1 và bà: Đào Thị T; có 01 chị gái, 02 em gái và 01 em trai; hoàn cảnh gia đình: bị cáo có vợ: bà Đậu Thị H, con: Ngô Diệp Thiên A (sinh năm 2018); tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: Ngày 27/4/2015, Ủy ban nhân dân quận T2 ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 239 đối với Ngô Văn T, số tiền 15.500.000 đồng, về

hành vi kinh doanh hàng hóa là phụ T xe gắn máy không rõ nguồn gốc, xuất xứ, T đã chấp hành việc xử phạt theo biên lai đóng tiền số 0007139, ngày 04/5/2015 tại Kho bạc Nhà nước quận Tân Phú.

Tạm giam từ ngày 11/01/2018 (có mặt).

2. Ngô Văn Th; giới tính: nam; sinh ngày 15 tháng 4 năm 1992 tại Nghệ An; tên gọi khác: không; thường trú: xã D, huyện D1, tỉnh Nghệ An; cư trú: Hương Lộ 2, phường B1, quận B2, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; nghề nghiệp: làm công; con ông: Ngô Văn Th2 và bà: Đào Thị T; có 03 em gái và 01 em trai; tiền án, tiền sự: không; tạm giam từ ngày 11/01/2018 (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 25/4/2015, Ngô Văn T được Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại V, trụ sở tại số đường L1, khu phố 1, phường B1, quận B2, ngành kinh doanh: Bán phụ T, bộ phận phụ trợ xe gắn máy, mô tô, ô tô và xe có động cơ khác,...(bút lục 203, 204).

Khoảng tháng 6/2017, Ngô Văn T biết đối tượng tên A (người Trung Quốc, không rõ lai lịch) cung cấp phụ T xe gắn máy không rõ nguồn gốc, xuất xứ nhưng mang nhãn hiệu DAI, M MADE IN THAILAND, nên đặt mua. Từ tháng 9/2017 đến ngày 10/01/2018, T đã đặt mua một số lượng lớn phụ T xe gắn máy không rõ nguồn gốc từ A và mua máy ép túi ni lon, máy đóng đai, ép kiện (tại Chợ K, Quận 5, TP.Hồ Chí Minh) để đóng gói số phụ T này thành hàng thành phẩm. Phương thức giao, nhận hàng tại Công ty V, qua nhà xe tại khu vực ngã Tư An Sương, huyện Hóc Môn, A giao nhiều loại phụ T xe gắn máy chưa thành phẩm kèm theo tem nhãn, bao bì có in chữ DAI, M MADE IN THAILAND, T gửi thanh toán tiền hàng cho A qua lái xe. Công đoạn hoàn thiện số phụ T mua từ A được T tiến hành làm tại nhà số 363/58/1A và số 363/58/8 đường B1, phường B1 A, quận B2. Để hoàn thiện số phụ T này thành hàng thành phẩm, T thuê: Ngô Thị T, Nguyễn Thị L, Đinh Thị Bé Tr, Ngô Thúy L, Trần Kim D (là sinh viên - làm việc bán thời gian, mức lương 17.000 đồng/giờ hoặc 150.000 đồng/ngày) dán tem nhãn hiệu DAI, M MADE IN THAILAND lên sản phẩm, đóng gói bao bì. Hàng thành phẩm, T bán cho một số khách hàng vãng lai tại Công ty V, thu tiền mặt; một số T bán theo

phương thức thanh toán trả chậm, giao hàng trước trả tiền sau, tại một số cửa hàng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và một số tỉnh phía nam. Ngô Văn T trực tiếp đi giao hàng, thu tiền của khách và thuê Nguyễn Văn Đ, Vũ Bá T2 và Nguyễn Tấn V (mức lương 5.000.000đ/tháng), để phụ giúp vận chuyển hàng giao cho khách (bút lục: 252- 256, 274- 277).

Quá trình sản xuất, buôn bán phụ T xe gắn máy là hàng không rõ nguồn gốc nhưng dán tem nhãn DAI, M MADE IN THAILAND, T còn thuê Ngô Văn Th trông coi hàng hóa, dán tem nhãn lên phụ T để ra thành phẩm, dùng máy đóng gói sản phẩm vào túi ny lon, sau đó đóng vào hộp cát tông và phụ giúp T đi giao hàng, thu tiền tại một số địa điểm trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. Ngoài ra, Thế còn chỉ dẫn cho nhân công dán tem nhãn lên phụ T, đóng gói sản phẩm để thành phẩm (bút lục: 289, 297-299, 300, 301).

Ngày 10/01/2018, Nguyễn Văn Đ trên đường vận chuyển 05 thùng cát-tông, bên ngoài ghi nhãn hiệu M MADE IN THAILAND (bằng xe máy biển kiểm soát 51D1-336.19), từ nhà 363/58/8 đường Đ, phường B1, quận B2 đến số 103/34 L1, phường B1, quận B2 thì bị Công an Thành phố Hồ Chí Minh phát hiện. Qua kiểm tra, hàng hóa là phụ T xe gắn máy nhãn hiệu M, MADE IN THAILAND, gồm: 490 hộp (mỗi hộp có 02 chiếc) má phanh hiệu M MADE IN THAILAND. Hàng hóa không có hóa đơn, chứng từ chứng minh nguồn gốc xuất xứ (bút lục: 88, 98).

Cùng ngày 10/01/2018, Cơ quan điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp tại 3 địa chỉ của Công ty Việt Thái Môtô, thu giữ tổng cộng 15 mặt hàng phụ T xe gắn máy các loại giả nhãn hiệu DAI, M, ... MADE IN THAILAND, cụ thể như sau:

- Tại số 103/34 L1, phường B1, quận B2 thu giữ: một số lượng lớn phụ T xe máy (đóng trong 73 thùng), gồm: má phanh đĩa, bi cổ xe máy, ổ đĩa công tơ mét, bánh trung gian, bình xăng con, cao su để chân, cao su giảm giật, nhông, sên, sạc điện, xích cam, ghi nhãn hiệu M MADE IN THAILAND ; máy ép nhựa thủ công; bao bì, nhãn, thùng cát tông có chữ M MADE IN THAILAND (đóng trong 1 thùng), tài liệu ghi chép của Công ty V (đóng trong 1 thùng); 01 CPU máy tính và 01 màn hình máy tính cùng hiệu Dell (bút lục: 90, 91).

- Tại số 363/58/8 đường B1, phường B1 A, quận B2 thu giữ: 05 máy ép bao bì nhựa; gác chân cao su (75 thùng), bố thắng đĩa (65 thùng), bố thắng (30 thùng), ống dẫn nhiên liệu (01 thùng), bao bì nhãn hiệu M (1 thùng) (bút lục: 93, 95).

- Tại số số 363/58/1A đường B1, phường B1 A, quận B2 thu giữ: bố thắng đĩa (66 thùng và 200 túi ny lon); ống dẫn nhiên liệu (10 bao); ống dẫn nhiên liệu

(10 bao); bình xăng con (6 thùng); sên xe máy (218 túi ny lon); nút nhựa dùng điều khiển xe (16 thùng); dây cu-roa (16 thùng); máy đánh dây đai (1 cái); tem, nhãn, các loại (2 thùng); bao bì nhãn hiệu M (1 thùng), võ hộp không nhãn mác (6 thùng) (bút lục: 96, 98).

Ngày 11/01/2018, đại diện hãng M Thái Lan, bà Miss Ch, xác định số hàng hóa thu giữ không phải là hàng do Công ty TNHH M (Băng Cốc- Thái Lan) sản xuất, do có sự khác biệt chữ MADE IN THAILAND được in ngang nhưng hàng do Nguyễn Văn Đ vận chuyển chữ MADE IN THAILAND in dọc, màu sơn má phanh nhãn hiệu M là màu xanh đen nhưng màu sơn má phanh do Đ vận chuyển là màu vàng (bút lục: 88, 89).

Ngày 15/01/2018, Công ty TNHH V1 (Hà Nội) đại diện Công ty TNHH M Thailan có văn bản xác định: Trong 15 mặt hàng phụ T thu giữ tại Công ty V, có 8 mặt hàng giả nhãn hiệu của M Thailan. Các nhãn hiệu DAI, M đã được đăng ký độc quyền tại Việt Nam và cung cấp một số mẫu hàng chính hãng, bảng giá của 8 mặt hàng do M Thailand sản xuất (bút lục: 99, 101- 131).

Thông báo kết luận giám định số 0036/N1.18/TĐ ngày 16/3/2018 của Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 3 tại TP.Hồ Chí Minh kết luận: 08 mẫu cần giám định, gồm: cao su để chân xe gắn máy nhãn hiệu M (Made in Thailan); má phanh cơ xe gắn máy nhãn hiệu M (Made in Thailan); ống dẫn xăng xe máy dài 50cm nhãn hiệu M (Made in Thailan); dây xích xe máy nhãn hiệu M (Made in Thailan); Dây curoa xe máy nhãn hiệu M (Made in Thailan); Bánh trung gian xe máy nhãn hiệu M (Made in Thailan); Xích cam nhãn hiệu M (Made in Thailan); bộ nhông xích nhãn hiệu DAI, M (Made in Thailan) so với các loại tương ứng do Công ty TNHH V1 cung cấp đều có sự khác biệt (bút lục: 157- 174).

Kết luận định giá tài sản số 1886/STC-HĐĐGTS-BVG ngày 29/3/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự cấp thành phố- Ủy ban nhân dân TP.Hồ Chí Minh xác định: Giá thị trường tại thời điểm tháng 01/2018 của các mặt hàng bị bắt giữ nêu trên là 2.373.345.152 đồng (chưa bao gồm thuế VAT 10%) (bút lục: 176- 177).

Tại Công văn số 996/SKHCN-SHTT ngày 08/5/2018 của Sở Khoa học và Công nghệ TP.Hồ Chí Minh, xác định: Nhãn hiệu "DAI" được Cục Sở hữu trí tuệ cấp Giấy chứng nhận đăng ký Nhãn hiệu số 31899, ngày nộp đơn 23/6/1998, thời hạn hiệu lực đến ngày 23/6//2018; Nhãn hiệu "M" được Cục Sở hữu trí tuệ cấp Giấy chứng nhận đăng ký Nhãn hiệu số 34242 ngày nộp đơn 06/02/1999, thời hạn

hiệu lực đến ngày 06/02/2019. Cả 02 nhãn hiệu này đều cấp cho sản phẩm xe cộ, phương tiện giao thông thuộc nhóm 12, chủ sở hữu là M (BANGKOK) LTD. PART, địa chỉ: 601/149 Saengthong Villa Moo 10, Petchkasem Road, Bangkae, Bangkae Bangkok 10160, Thailand (bút lục: 200).

Bản Cáo trạng số 378/CT-VKS-P3 ngày 04-10-2018 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố Ngô Văn T, Ngô Văn Th về tội "Sản xuất, buôn bán hàng giả" theo điểm a khoản 3 Điều 192 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 476/2018/HS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo **Ngô Văn T, Ngô Văn Th** phạm tội "Sản xuất, buôn bán hàng giả"

- Áp dụng điểm a, khoản 3 Điều 192, khoản 5 Điều 193, điểm a, khoản 1 Điều 52 và điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: **Ngô Văn T** 7 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 11/01/2018.

Buộc bị cáo **Ngô Văn T** nộp số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) sung quỹ nhà nước.

- Áp dụng điểm a, khoản 3 Điều 192, khoản 2 Điều 54, điểm a, khoản 1 Điều 52 và điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: **Ngô Văn Th** 4 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 11/01/2018.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định

Ngày 29/11/2018 bị cáo Ngô Văn T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 03/12/2018 bị cáo Ngô Văn Th kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo xin được giảm nhẹ hình vì cho rằng mức án cấp sơ thẩm tuyên là quá nặng.

Vị đại diện Viện kiểm sát có quan điểm như sau: Bản án sơ thẩm xét xử hai bị cáo Ngô Văn T và Ngô Văn Th về tội "Sản xuất, buôn bán hàng giả" là có căn cứ. Do số lượng hàng giả có giá trị lớn hơn hai tỷ đồng (tương đương giá trị hàng

thật), khi xét xử tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho hai bị cáo theo quy định. Các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ nhưng không đưa ra được tình tiết giảm nhẹ nào khác, vì vậy không có cơ sở để xem xét. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu tại hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định đối với yêu cầu kháng cáo như sau:

[1] Đã có đủ cơ sở xác định các bị cáo Ngô Văn T và Ngô Văn Th phạm tội "Sản xuất, buôn bán hàng giả" theo quy định tại Điều 192 Bộ luật hình sự như bản án sơ thẩm đã quy kết. Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình. Theo đó, bị cáo Ngô Văn T đã lợi dụng nghề nghiệp kinh doanh của mình là bán phụ T, bộ phận phụ trợ xe gắn máy, mô tô, ô tô và xe có động cơ khác…, bị cáo đã mua của đối tượng tên A một số lượng phụ T xe gắn máy không rõ nguồn gốc, xuất xứ nhưng mang nhãn hiệu DAI, M MADE IN THAILAN, sau đó mua máy ép túi nilon, máy đóng đai, ép kiện để đóng gói số phụ T này thành hàng thành phẩm, bán cho các đại lý nhằm thu lợi bất chính với số tiền 40 triệu đồng.

Theo Kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá đã xác định hàng giả tương đương với số lượng của hàng thật hoặc hàng hóa có cùng tính năng kỹ thuật của 15 mặt hàng thu giữ của Ngô Văn T là 2.373.345.152 đồng.

[2] Quá trình sản xuất, buôn bán phụ T xe gắn máy không rõ nguồn gốc, xuất xứ, bị cáo T còn thuê Ngô Văn Th - là em họ trông coi hàng hóa, dán tem nhãn lên phụ T để ra thành phẩm, dùng máy đóng gói sản phẩm vào túi nilon, sau đó đóng vào hộp cát tông và phụ giúp T đi giao hàng, thu tiền tại một số địa điểm tại Thành phố Hồ Chí Minh và trả lương hàng tháng cho bị cáo Thế.

[3] Như vậy, từ hành vi phạm tội như trên của hai bị cáo Ngô Văn T và Ngô Văn Th đã có đủ cơ sở kết luận đây là vụ án có đồng phạm, tính chất của đồng phạm chỉ mang tính giản đơn, bị cáo Thế tham gia với vai trò giúp sức, chỉ là người làm công ăn lương, chịu sự phụ thuộc từ bị cáo T. Giữa hai bị cáo này không có sự bàn bạc, phân công vai trò hay mắt xích trong quá trình thực hiện tội phạm; bị cáo Thế không được hưởng lợi từ hành vi phạm tội này. Vì lẽ đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm nhận định và xác định hành vi phạm tội của hai bị cáo này thuộc tình tiết tăng

nặng "phạm tội có tổ chức" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự là không phù hợp, cần sửa bản án sơ thẩm về nội dung này.

[4] Hành vi phạm tội của hai bị cáo Ngô Văn T và Ngô Văn Th được xác định là nguy hiểm cho xã hội, đã có tác động tiêu cực đến nền kinh tế, gây ảnh hưởng nhất định đến niềm tin của người tiêu dùng. Chính vì vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm xét xử hai bị cáo về tội "Sản xuất, buôn bán hàng giả" theo khoản 3 Điều 192 Bộ luật hình sự là có căn cứ.

Tuy nhiên, đối với hành vi phạm tội của hai bị cáo Ngô Văn T và Ngô Văn Th trong vụ án này thấy rằng:

[4.1] Thứ nhất: Số lượng hàng hóa giả đã được thu hồi phần lớn, chính vì vậy tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi có phần hạn chế.

[4.2] Thứ hai: Quá trình điều tra, xét xử, cả hai bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình. Hoàn cảnh của bị cáo T có vợ bị bệnh, con còn nhỏ (sinh năm 2018); cả hai bị cáo đều là lao động chính và duy nhất trong gia đình. Bị cáo Thế tham gia thực hiện hành vi phạm tội với vai trò đồng phạm giúp sức, là người làm thuê, ăn lương và có phần phụ thuộc vào bị cáo T và không được hưởng lợi.

[5] Như vậy, cả hai bị cáo này đều có hai tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và các tình tiết giảm nhẹ khác theo quy định tại khoản 2 Điều 51; riêng bị cáo Thế cần phải áp dụng thêm quy định tại Điều 58 Bộ luật hình sự. Đồng thời, khi xem xét một cách toàn diện cho thấy, số tiền mà bị cáo T thu lợi bất chính đã xác định là 40.000.000 đồng, số tiền thu lợi này thấp hơn mức quy định tại tình tiết định khung theo điểm c khoản 1 Điếu 192 Bộ luật hình sự (điểm c là từ 50.000.000 đồng trở lên). Số tiền thu lợi bất chính này, bị cáo T đã nộp khắc phục toàn bộ.

Từ đó cho thấy, mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên phạt đối với hai bị cáo là có phần nghiêm khắc. Vì lẽ đó, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy cả hai bị cáo này đều đủ điều kiện để được xem xét mức hình phạt dưới mức hình phạt mà điều luật quy định theo quy định tại Điều 54 Bộ luật hình sự. Việc áp dụng này cũng thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội có thái độ thành khẩn, ăn năn hối cải, có thiện chí trong việc khắc phục hậu quả, đồng thời vẫn đảm bảo được tính răn đe, phòng ngừa tội phạm.

[6] Bên cạnh đó, tại phần quyết định của bản án sơ thẩm đã áp dụng quy định tại khoản 5 Điều 193 Bộ luật hình sự, buộc bị cáo Ngô Văn T phải chịu hình phạt bổ sung là nộp số tiền 20.000.000 đồng vào ngân sách Nhà nước. Việc áp dụng điều luật này của Tòa án cấp sơ thẩm là sai, bởi vì: khoản 5 Điều 193 Bộ luật hình sự quy định hình phạt bổ sung được áp dụng đối với tội "Tội sản xuất, buôn bán hàng giả là lương thực, thực phẩm, phụ gia thực phẩm". Ở trường hợp này cần phải áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 192 Bộ luật hình sự mới phù hợp. Chính vì vậy, cần sửa bản án sơ thẩm về việc áp dụng điều luật.

Yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của hai bị cáo là có căn cứ, nên được chấp nhận.

Do kháng cáo được chấp nhận, vì vậy hai bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Ngô Văn T và Ngô Văn Th, sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm số 476/2018/HS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về hình phạt chính và áp dụng điều luật đối với hình phạt bổ sung (đối với bị cáo T).

Tuyên bố: Các bị cáo **Ngô Văn T, Ngô Văn Th** phạm tội "Sản xuất, buôn bán hàng giả".

- Áp dụng điểm a, khoản 3 Điều 192, khoản 4 Điều 192, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: **Ngô Văn T** 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 11/01/2018.

Buộc bị cáo **Ngô Văn T** nộp số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) sung quỹ nhà nước.

- Áp dụng điểm a, khoản 3 Điều 192, khoản 2 Điều 54, điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: **Ngô Văn Th** 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 11/01/2018.

Hai bị cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thành Văn **Trần Thị Thu Thủy** **Phạm Công Mười**